



SỰ LẬT ĐỔ QUAN NIỆM “NHÂN LOẠI TRUNG TÂM” TRONG TIỂU THUYẾT VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

*Nguyễn Thùy Trang**

Khoa Ngữ văn – Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 25-01-2017; ngày phân biên đánh giá bài: 30-02-2017; ngày chấp nhận đăng bài: 15-4-2017

TÓM TẮT

Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, nhiều tiểu thuyết Việt Nam đương đại đã bộc lộ cảm quan sinh thái, cho thấy tư tưởng tiến bộ của nhiều tác giả trước thực trạng ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên, nguy cơ sinh loài tuyệt diệt, con người bức bí, xa lạ giữa đô thị hóa ồ ạt... Khai mở những vỉa ngầm văn bản, một số tiểu thuyết đã tiến hành lật đổ quan niệm “nhân loại trung tâm” và đưa đến một quan niệm mới về tự nhiên, xóa bỏ sự phân chia chủ/khách trong mối quan hệ giữa con người và tự nhiên vốn tồn tại trước đó.

Từ khóa: Nhân loại trung tâm, phê bình sinh thái, tiểu thuyết Việt Nam đương đại, tự nhiên.

ABSTRACT

The Subversion of the Anthropocentric Viewpoint in Vietnamese Contemporary Novels

In the current tendency of globalization, many contemporary Vietnamese novels have expressed their eco-perception, showing progressive thoughts of many authors on the reality of environmental pollution, the exhaustion of resources, the threats of species extinction, the isolated and estranged humanity in mass urbanization, etc. Through a close reading, the novels subvert the anthropocentric viewpoint, leading to a new one of nature, abolishing the host/guest distinction in the existing relationship between human and nature.

Keywords: Anthropocentrism, ecocriticism, contemporary Vietnamese novel, nature.

1. Về thuyết “Nhân loại trung tâm luận”

Thuyết nhân loại trung tâm (Anthropocentrism) bao gồm hệ thống các quan niệm về vị thế của con người đối với thế giới. Qua mỗi giai đoạn phát triển của lịch sử, hệ thống quan niệm này có sự khác nhau ở từng trường phái, từng nhà tư tưởng. Tuy nhiên, điểm chung của học thuyết chính là thái độ đề cao vai trò chi phối, quyết định của con người với xã hội, thế giới và vũ trụ. Đồng thời tuân theo

nguyên tắc “hoạt động cải tạo không có giới hạn của con người” (Engles), thuyết nhân loại trung tâm khẳng định ý nghĩa đặc biệt của sự tồn tại người, và nhấn mạnh chính sự tồn tại của con người mới là hạt nhân, là tâm điểm, chứa đựng toàn bộ ý nghĩa của sự vận hành vũ trụ.

Sự ảnh hưởng của Thuyết nhân loại trung tâm luận thể hiện rất rõ trong văn chương nghệ thuật. Từ thời cổ đại, Protagor cho rằng “con người là thước đo của mọi vật”, con người luôn giữ địa vị

* Email: thuytrang23988@gmail.com

trung tâm trong các cuộc giao tranh với tự nhiên qua sử thi *Iliad* và *Odyssey* của Homer, sử thi *Mahabharata* và *Ramayana*. Đến thời Phục hưng, quan niệm này in dấu trong tranh Leonardo da Vinci hay những vở kịch của William Shakespeare; thậm chí hiện nay, những tiêu chí về con người vẫn được xem là chuẩn mực của nhiều giá trị trong nghệ thuật.

Vào năm 1969, lần đầu tiên nhân loại được chiêm ngưỡng những hình ảnh của Trái đất nhìn từ Mặt trăng. Sự kiện này khiến con người thực sự xúc động, vì nó giúp chúng ta nhận thức được sự nhỏ bé và mong manh của Trái đất giữa thiên hà. Rồi sau đó, hàng loạt những chấn động xảy ra, sóng thần, động đất, sự cố hạt nhân Chernobyl... toàn nhân loại lâm vào “tai nạn sinh thái”, đứng trước tình trạng báo động của ô nhiễm khí hậu, thủng tầng ozon, cạn kiệt tài nguyên. Lúc này con người bắt đầu ý thức sâu hơn về trách nhiệm của chính mình để bảo vệ hành tinh Xanh. Đây cũng là thời điểm manh nha lí thuyết phê bình sinh thái. Khởi nguồn từ cuốn sách *Hài kịch của sinh tồn: nghiên cứu sinh thái học của văn học* (*The Comedy of Survival: Studies in Literary Ecology*), W. Meeker (1990) lưu ý, “nếu sự sáng tạo văn học là một đặc điểm quan trọng của loài người, nó cần được kiểm tra một cách cẩn thận và trung thực để khám phá ảnh hưởng của nó đối với hành vi của con người và môi trường tự nhiên – để xác định vai trò gì, nếu có, nó đóng vai trò trong sự bảo vệ và sự tồn tại của nhân loại, và những gì nó cho thấy một cái nhìn sâu

sắc vào các mối quan hệ của con người với các loài khác và với thế giới xung quanh chúng ta. [...] Từ quan điểm không khoan nhượng của sự tiến hóa và chọn lọc tự nhiên, văn học đóng góp nhiều cho sự tồn tại của chúng ta hơn là sự tuyệt chủng của nhân loại” (Glen A. Love, 1990, *Revaluing Nature: Toward an Ecological Criticism*, University of Oregon). Từ đây, hàng loạt những học giả như William Rueckert, Frederick O. Waage, Cheryl Glotfelty, Lawrence Buell, Karen Thornber, Greg Garrard... đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của tự nhiên trong sự tồn tại và hoạt động của con người. Đặc biệt, các nhà nghiên cứu cật lực phản đối thái độ chỉ xem thiên nhiên là công cụ, là khách thể “làm nền” cho con người.

Thế nên, bước sang thế kỉ XXI, thuyết nhân loại trung tâm đã trở nên lỗi thời, thậm chí có thể xem là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến những thảm họa môi trường đang diễn ra hiện nay. Là một thể loại “phản ánh hơi thở thời đại”, tiểu thuyết hẳn nhiên sẽ phải có những bước chuyển mình trong quan niệm về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên.

2. Phi trung tâm – giải cấu trúc quan niệm “nhân loại trung tâm”

Không đồng tình với quan niệm “nhân loại trung tâm”, các nhà phê bình sinh thái nhận thấy, ý đồ thiết lập một trật tự đẳng cấp nào đó với những ưu điểm nổi trội trong văn hóa, đời sống không còn mang lại hữu ích và cũng không thể tồn tại bất diệt được. Milan Kundera (2001) hoài

ngghi rằng, “*Cái thế giới này thiếu mất vị Phán xét tối cao, đột nhiên hiện ra trong một tình trạng nhập nhằng đáng sợ. Chân lí thần thánh duy nhất bị tan rã thành hàng trăm chân lí tương đối mà những con người chia lấy cho nhau. [...] Thế giới là nhập nhằng, phải đối mặt, không phải với một chân lí tuyệt đối duy nhất, mà với một mớ chân lí tương đối trái ngược nhau (những chân lí được nhập thân vào những cái tôi tưởng tượng gọi là nhân vật), tức chỉ còn có một niềm tin chắc duy nhất là sự hiển minh của lương lực*” (tr.13). Suốt bao thế kỉ qua, nhân loại đã “tự phong” cho mình vị trí tối thượng trong trật tự địa cầu, để rồi hàng loạt những sai lầm đã xảy ra, trong đó có những nhận thức lệch lạc đưa ra hành vi và ứng xử văn hóa đối với tự nhiên, đẩy tự nhiên đến bờ vực nguy hiểm. Do đó, bằng việc giải cấu trúc quan niệm “nhân loại trung tâm”, đồng thời chứng minh dạng thức tồn tại của thế giới là những mảnh vỡ - phi trung tâm, mới có thể mang lại cho con người thế kỉ XXI một nhận thức mới, thấu tận được vắn nạn sinh thái đang tịnh tiến đe dọa tương lai nhân loại.

Phi trung tâm hóa (decentralization) là một trong những nội dung cơ bản của giải cấu trúc luận và hậu hiện đại. Trong cái nhìn của kĩ nguyên hiện đại, toàn bộ thế giới được kiến tạo xung quanh một hạt nhân, một trung tâm duy nhất, gọi là chủ thể. Trên tinh thần đó, từ thời Phục hưng, Khai sáng đến thời kì của những phát minh khoa học kĩ thuật thế kỉ XX, nhân loại luôn tự xem mình là “trung tâm của vũ trụ”, đề cao tư duy lí tính với nguyên tắc “hướng

tâm”, “tập quyền” và bày tỏ thái độ “đại tự sự”. Bước sang kĩ nguyên hậu hiện đại, phi trung tâm trở thành con đường giải cấu trúc mọi quan niệm, nhận thức đến văn hóa và văn bản. Các nhà lí luận hậu hiện đại cho rằng, khoa học chỉ là ảo tưởng, vì chân lí luôn luôn thay đổi và triển hạn vô cùng. Họ hoài nghi các đại tự sự, nghĩa là hoài nghi phương pháp luận với những chân lí và giá trị phổ quát trước đó. Nên tri thức chỉ có thể là những “mảnh” (segment), những “trích đoạn” (fragment) của vô số ngữ cảnh văn hóa mang tính cục bộ. Foucault đã đề xuất thuật ngữ “Épistémè” nhằm ngụ ý hành trình “tiếp biến” không đồng đều của tri thức thời đại. Tại đây, các nhà lí luận hậu hiện đại đã thẳng thắn đề cao nguyên tắc “lệch tâm”, “tản quyền” và phản đối tư tưởng “nhân loại trung tâm”.

Đây chính là luận điểm quan trọng để các nhà phê bình sinh thái vận dụng khi nghiên cứu trực diện văn bản, đã được Serpil Oppermann khẳng định điều này qua *Lí thuyết Phê bình sinh thái: Hướng tới một Thực hành Phê bình sinh thái Hậu hiện đại*, khi cho rằng: “*Nếu phê bình sinh thái đặt chính mình tại các đường giao nhau giữa một lí thuyết hậu hiện đại sinh thái trung tâm (ecocentric postmodern) và triết lí môi trường, nó có thể đạt được góc nhìn rộng lớn hơn, và tạo ra những diễn trình mang tính lật đổ và đầy thách thức trong cách xử lí các văn bản văn học này cùng với những miêu tả về tự nhiên phi nhân loại, cũng như trong các bài phê bình của những nhà cầm quyền mà thiên nhiên vẫn giữ một vị trí bất lực về chính trị và*

diễn ngôn” (Oppermann, 2006). Qua đó, phê bình sinh thái có thể đưa đến một cách tiếp cận đa quan điểm, thăm dò mối quan hệ mơ hồ giữa những người đại diện và môi trường tự nhiên. Để làm công việc hướng tới một mục tiêu như vậy sẽ phải mở rộng chân trời lí thuyết vượt ra ngoài những giới hạn hiện nay của những quy ước thực tại cũng như những luận điểm nguyên văn cơ bản. Trong một thế giới có nhiều dạng thức do quá trình toàn cầu hóa và cục bộ của phi trung tâm hóa, gián đoạn và phân mảnh ở các cấp độ chính trị - xã hội và văn hóa của sự tương tác với các hệ sinh thái nằm trong cộng đồng nhân loại hôm nay, phê bình sinh thái không thể bỏ qua điều kiện hậu hiện đại và viết theo ham muốn hoài niệm về truyền thống thực tế.

Có thể xem *Trăm năm còn lại* của Trần Duy Phiên là một trong những tiểu thuyết thể hiện rõ nét tinh thần này. Người cha trong *Trăm năm còn lại* luôn tự cho mình là trung tâm của thế giới, ra sức “tạo lập một cõi trời đất riêng”. Ông nghĩ rằng con sông Dakbla “*nó dữ không bằng tao – Ông gằm gừ, nhìn hiêng hiếng con sông dưới chân mình – Đất sợ nó ăn. Núi sợ nó tấp. Nuông quá nên chi nó cứ phá tất mà trườn về Tây. Còn tao, tao sẽ vịn cổ nó – Ông cười, kêu bặt – Tao vịn nó như vịn cổ gà*” (Trần Duy Phiên, 1996, tr.13), nên dòng Dakbla – nguồn sống nuôi dưỡng họ từ những ngày đầu mới đặt chân đến đây, trở thành mục tiêu cho những khát vọng bá chủ, làm giàu. Với tâm thức “nhân loại trung tâm”, người cha luôn tìm cách chứng minh sự tồn tại của thế giới này là *cho con*

người. Ông nói như giao thê: “*Phải bắt nó nuôi mình (...), Tao buộc nó phải nuôi tao – ông cười hô hố – Nó dâng nước tao uống, ngã lòng tao tắm và cung phụng bao thứ khác. – Cá cũng không sống nổi! – Thế mà tao sống được. Tao khác...*” (Trần Duy Phiên, 1996, tr.13). Tự thấy mình là một cá thể Khác, đối lập với tự nhiên, người cha đã không thừa nhận mình chỉ là một phần của tạo hóa, phụ thuộc hoàn toàn vào thế giới bên ngoài. Với ông, không có một luật lệ, quy định nào cấm cản. Ông tuyên bố “phép tắc là cái thá gì?”, rồi tự ban hành những nguyên tắc cho riêng mình. Cũng bởi lối suy nghĩ vậy mà ông đã làm một việc “phi lí và trái với tự nhiên” (F.Engels) – lấp sông Dakbla, buộc nó phải “nhập gia tùy tục”, phục tùng cho dục vọng bản thân. Nhưng rồi, những ngày tháng bôn ba khắp nơi truy nguyên dòng Dakbla rồi cũng chỉ được trả lại bằng thân xác tan hòa với đất trời. Dòng sông vẫn “ngạo nghễ dưới trăng”, và nhẹ nhàng hát những tặng đá xuống phận người nhỏ bé.

Tính chất phi trung tâm còn khắc đậm qua những phân mảnh của cuộc sống thị thành. Sự can thiệp của quá trình đô thị hóa, nông thôn hóa là tác nhân kích thích tiêu trừ dần những cánh đồng quê trong trẻo, thanh bình, những hồn người mộc mạc; thay vào đó là lớp thị dân lạc lõng, bơ vơ. Đôi chân đã bước vào phồn hoa nhưng bản tính vẫn còn vương đồng nội. Sự rũ bỏ quá khứ, truyền thống, chân chất, tự nhiên là một điều không dễ với phần đông thế hệ hiện nay. Nhiều tác phẩm đã “cởi trói” để “vẫy vùng” trong bầu không khí của tự do,

cá nhân. Nhưng dường như, càng cời trói càng dùng dằng, càng vẫy vùng lại càng dẫn đo. Giữa cơ chế thị trường với những biến đổi nhanh chóng và có phần bất ngờ, con người không khỏi “sock” trước một nền văn hóa, thể chế kinh tế - chính trị mới. Trong sự tồn tại của chính mình, con người bơ vơ, không hề có một lực lượng tối cao nào đủ sức che chở cho nhân loại khỏi động đất, sóng thần, dịch bệnh, lũ lụt... Tọa độ tự nhiên giờ không còn cố định loài người ở vị trí trung tâm. Tiểu thuyết là những cuộc hành trình và những hoang mang bất tận trước sự ngọt ngào của không gian thành thị. *Ruồi là ruồi, Gần như là sống* của Đỗ Phấn; *Nhắm mắt nhìn trời* của Nguyễn Xuân Thủy, *Sông* của Nguyễn Ngọc Tư... chỉ ra, niềm tin vào khả năng làm chủ hiện thực đang dần mất đi trong suy tư của con người. “*Nguyễn hiểu cánh đồng không còn là của Nguyễn nữa. Hay đúng hơn, Nguyễn đã không còn thuộc về nơi này. Vậy Nguyễn thuộc về thành phố ư?... Trong manh áo phố phường liệu Nguyễn có giữ ra nổi dăm người có thể gọi là bạn hay không*” (Nguyễn Xuân Thủy, 2014, tr.305) – Tâm sự của Nguyễn (trong *Nhắm mắt nhìn trời* của Nguyễn Xuân Thủy) là mặc cảm chung của con người trong bối cảnh phi trung tâm, đổ vỡ mọi giá trị. Điều này được Đỗ Phấn gọi bằng cái tên rất thực – Cô Đơn. “*Nổi cô đơn đã biến thành hoài nghi sợ sét. Chẳng ở đâu con người dễ nổi nóng như thành phố... Con người phải sợ hãi đến mức nào thì mới trở nên hung dữ như thế?*” (Đỗ Phấn, 2014, tr.92). Đó là những trải nghiệm của nhân

vật chính trong *Ruồi là ruồi* khi ngộ ra giữa cuộc sống hiện đại, tân tiến, tưởng là bá chủ, con người lại càng nhỏ nhoi, nhạt nhòa; khiến cho nhân vật phải trầm tình, “*không thể ru rú trong căn hộ tầng cao. Một cỗ máy để ở dù hoàn chỉnh đến mức nào thì cũng bộc lộ đầy khiếm khuyết. Nó dồn con người vào một nỗi cô đơn tuyệt đối cách xa đồng loại ngay ở chỗ tập trung rất đông con người*” (Đỗ Phấn, 2014, tr.92).

Từ tâm thức này, tiểu thuyết không nhằm hướng đến một vấn đề duy nhất, mà phân rã trong những hành trình đi tìm bản thể. *Sông* của Nguyễn Ngọc Tư chẳng hạn. Tác phẩm như dòng chảy miệt mài của Di giang, không cố định, hay neo đậu tập trung vào một chốn bất kì; tất cả mơ hồ cho đến tận cái kết. Nhà văn đã để cho nhân vật biến mất một cách khó hiểu, như thể họ chưa từng hiện tồn trên thế giới này. Đang trong hành trình khám phá sông Di, tự dung Bồi mất tích chẳng có lí do gì, “*một con lóc xoáy đã vùi thân xác anh ta vào đụn cát, một tia sét nóng ba chục ngàn độ đã làm tan chảy đến mẫu xương cuối cùng*” (Nguyễn Ngọc Tư, 2012, tr.131). Chồng của Bé lạc vào đâu đó giữa một ngày nào mơ hồ. Bố chồng Bé cũng biến mất, trôi cùng với một mảng rừng. Còn chị Ánh đã không thấy nhân dạng trong chuyến du khảo sông Di. Đến cả Ân – nhân vật chính cũng tan hòa đâu đó ngoài khơi Túi. Dường như, sông Di trở thành một nơi “tử thần” vùi lấp hết thảy bao mạng người. Với khát vọng thay đổi vị thế, bản chất cũng như mô hình nhân vật truyền thống, Nguyễn Ngọc Tư đã tạo ra một lối “giải –

nhân vật” cho tác phẩm của mình. Một cuộc sống, một tiến trình tự sự đầy ắp sự kiện... đôi khi cũng chính là nguyên nhân đẩy các nhân vật ra “rìa” hay lùi sâu vào “hậu trường” văn bản. Nhân vật biến mất khỏi tiến trình tự sự tạo nên không ít những “khoảng trống”, “khoảng tối”, những khúc “vô thanh” cho văn bản. Mặc dù đã “mất tích”, nhưng cái bóng của nhân vật vẫn đồ dài xuống câu chuyện, vẫn ám ảnh những người ở lại và tạo ra vô số câu hỏi cho người đọc. Việc con người được sinh ra, rồi bỗng một ngày bị đánh vắng, mất tích, trở thành “con người không thực sự là con người”, luôn hoài nghi bản ngã như một hệ lụy đau lòng của dòng chảy cuộc sống hiện đại. Cuối cùng thì, con người cũng chỉ là một chuỗi mắt xích trong quá trình tiến hóa, phát triển của toàn bộ sinh thể.

3. Tái thiết quan niệm mới về tự nhiên

Dựa trên ảnh hưởng của Derrida, Foucault cùng những thành tựu của giải cấu trúc luận và hậu hiện đại, các nhà phê bình sinh thái đã tiến hành “giải”, “lật đổ” cấu trúc nhân loại – tự nhiên trong lịch sử, chất vấn cấu trúc ấy như một nguyên nhân chính của vấn nạn môi sinh – môi trường hiện nay. Theo đó, sự đề cao con người như một thực thể sống toàn vẹn, tâm điểm của mọi sinh loài, trong cái nhìn phi trung tâm, sẽ bị phá hủy, loại bỏ. Bước ngoặt này giúp cho các nhà phê bình sinh thái dịch chuyển trung tâm qua những đối tượng mang tính chất thực tế hơn: “Trái đất trung tâm”, “sinh vật trung tâm”, “sinh thái trung tâm”. Tất cả đều ngầm thể hiện một cái

nhìn bình đẳng đối với vạn vật. Một quan niệm mới về Tự nhiên được tái thiết: Con người không còn “độc quyền”, mà đã bị “tản quyền”, “phân tán” cùng với muôn loài. Đây cũng là một kiểu phá bỏ “đại tự sự” để hướng về các tiểu tự sự.

Thực tế tiểu thuyết gần đây cho thấy, chẳng có một trung tâm nào, phép nhị nguyên đối lập nhằm truy tìm cái trung tâm hay nguyên ủy (origin) không còn là phương thức hợp thời. Giai đoạn trước Đổi mới, dù nhà văn có nhiều cách nhìn nhận khác nhau về tự nhiên, nhưng đều có điểm chung sau cùng là nói đến con người, lấy con người làm trung tâm để mô tả, phân ánh, đánh giá tự nhiên. Nhưng công nghiệp hóa, hiện đại hóa bên cạnh thúc đẩy sự phát triển vượt bậc, đồng thời cũng đưa đến mối nguy hại về môi sinh, cảnh quan. Nên sự xuất hiện những hình ảnh sản bất động vật quý hiếm, chặt cây lấy gỗ không còn được nêu lên bằng giọng điệu ca ngợi tài trí của con người, mà thay vào đó là những cảnh báo về sự biến mất của tự nhiên, thức tỉnh tư duy con người để thay đổi nhận thức mới về văn hóa tự nhiên.

Cuốn tiểu thuyết *Chó Bi, đời lưu lạc* của Ma Văn Kháng lời cuốn người đọc phiêu du cùng chú chó Bi từ ngôi nhà nhỏ ấm êm nơi phố thị, đến chốn rừng thiêng, đảo hoang, để thấy rằng, “*thế giới thật rộng lớn, vũ trụ bao la với muôn vàn điều huyền bí, và con người quả thật là một sinh thể vô cùng yếu nhược*” (Ma Văn Kháng, 2016, tr.42). Nếu hình ảnh chú Bi được khắc họa dũng cảm, thông minh, lanh lợi, trung thành và tốt đẹp bao nhiêu, thì một số

nhân vật trong tiểu thuyết này như lão Viễn, Xuân Chương, ông trung úy Mặt Rách lại cho chúng ta thấy sự nhỏ nhen, ích kỉ của con người. Cán cân định lượng giữa người và vật trong tác phẩm thật chênh vênh, vì chỉ một hành động sai lầm, con người đã tự biến mình thành một giống loài thua cả loài vật cấp thấp. Đối mặt với thế giới phi nhân loại, mới thấy là “*thiên nhiên còn bao nhiêu điều ở ngoài tầm hiểu biết của chúng ta*” (Ma Văn Kháng, 2016, tr.208). Thực ra, hành trình lưu lạc của Bi cũng là hành trình đi tìm chân lí. Như một quyền năng thiên định can thiệp vào số phận của gia đình ông Thuần, Bi truy đuổi được kẻ chủ mưu đưa đến những nghịch cảnh éo le cho những con người lương thiện. Qua đó, nhà văn xác lập một quan niệm: “*Tự nhiên luôn giữ quyền trừng phạt mọi sự vượt quá ranh giới*” (Ma Văn Kháng, 2016, tr.138).

Cùng mang âm hưởng tôn trọng tự nhiên, diễn biến câu chuyện *Săn cá thần* của Đặng Thiệu Quang xoay quanh con cá thần ngự trị dưới dòng sông Thiêng. Nghe người dân bản địa vùng núi phía Bắc báo tin có một con cá khổng lồ, vừa xuất hiện trở lại sau nhiều năm biến mất, Tú Khi và Đăng Cuội đã lên đường vạch kế hoạch bắt được con cá với tất cả đam mê và thái độ tự tin, thách thức. Chưa đối đầu được cá thần đã gặp lũ quét, hai người mất hết đồ đạc, đành tay trắng trở về thành phố. Nhưng rồi cả hai đều bị cuốn vào những huyền tích mà càng về sau càng trở nên kì quái, mạo hiểm với những ám ảnh về cá thần trong giấc mơ hằng đêm. Họ quyết

định đi săn cá thần lần nữa cùng với “*lũ rừng mờ rồ dại và đồng bóng đang nô giỡn háo hức chuẩn bị dẫn xác đến cái chốn khi ho cò gáy*”. Tuy nhiên, tất cả phương tiện, thiết bị hiện đại, tối ưu họ mang theo để vây bắt cá thần đều bị vô hiệu. Con cá “*hội tụ đầy đủ cái khát máu của thú dữ, cái máu lạnh của loài bò sát, cái nham hiểm ranh ma xảo quyệt của loài người, cái uất ức tức tưởi của những vong hồn người chết trôi hàng trăm năm nay chưa được siêu thoát, đang còn lớn vồn nơi đây, và trút những cơn điên giận lên những kẻ dại dột tới*” (Đặng Thiệu Quang, 2013, tr.214). Cá thần trườn lên bãi cát, diễn trình cho đám người kia thấy những gì loài người đã từng làm với nó. “*Quanh mép nó cơ man nào là những cái lưỡi câu to tướng như móc câu, lưỡi đơn, lưỡi đôi, lưỡi ba tiêu đủ cả*”, “*thân mình nó chỉ chút vết thương, và dấu tích những trận chiến với những cánh săn cá xuôi ngược từ Lào đến tận sông Đà sông Mã vẫn còn nhận ra được, nhờ những dụng cụ đánh bắt cá đặc trưng*” (Đặng Thiệu Quang, 2013, tr.311). Kịch cỡ “*trên một tấn*”, cá thần thừa sức nuốt hết tất cả những người có mặt trên bờ, nhưng nó không làm vậy. Trước sự khiếp đảm, yếu nhược và đầu hàng của Tú Khi, Đăng Cuội cùng đồng bọn, cá thần chỉ khạc ra những gì mà bọn họ đã ném xuống cho nó, “*cùng với tất cả sự khinh bỉ, ghê tởm, mà nó dành cho thằng bạn tôi, dành cho chúng tôi, cho cả loài người*” (Đặng Thiệu Quang, 2013, tr.313). Rồi cá thần biến mất, “*sau khi quấy đuổi như cái vẩy tay chào lần cuối cùng từ Chúa gửi đến đám người thảm hại chúng*

tôi”. Một cuộc đi săn mang bản chất của tiền và dục vọng kết thúc bằng sự thứ tha, bao dung, “xóa sạch mọi nợ nần nơi dương thế”. Vang vọng giữa núi rừng kì vĩ, chỉ còn lại tình yêu thương, là những hòa điệu, gắn kết giữa người và người, người với thiên nhiên.

Chủ đích cuối cùng của phê bình sinh thái không phải là hạ thấp con người để độc tôn tự nhiên, trên tinh thần nhân văn, các nhà sinh thái mong muốn một sự hòa hợp giữa con người và tự nhiên. Chỉ ra những mặt xấu của con người, những hành động xâm hại của con người với tự nhiên chính là để giúp nhân loại nhận diện vị thế của mình giữa vũ trụ, sống có trách nhiệm và tôn trọng các sinh mệnh khác hơn. Đăng Cuội trong *Săn cá thần* sau khi chạm trán với cá thần, chứng kiến cuộc sống nhân cư, thanh tịnh của cha con ông Văn, anh đã “hiểu ra cái lẽ tự nhiên, lí do vì sao mà cha con họ có thể ung dung tự tại sống ở cái nơi heo hút này, bởi họ đã hoàn toàn hòa nhập với thiên nhiên, đã học được cách sinh tồn nhờ những thứ tối thiểu nhỏ bé, cân bằng tuyệt đối. Bầu không khí trong lành, nguồn nước trong lành, nguồn thức ăn vô tận đến từ ngay cả những con sâu cái kiến và cây trái xung quanh, cá nước chim trời, ngũ cốc rau củ quả tự trồng hái thu hoạch, điện tự sản xuất, chẳng thiếu thứ gì, trừ thế giới văn minh xô bồ ô nhiễm tí xa xôi kia. Nơi đây, thời gian như ngừng trôi, họ dường như trẻ mãi, cho đến lúc lìa xa cõi tạm này” (Đăng Thiều Quang, 2013, tr.291). Rõ ràng, thuyết nhân loại trung tâm đã tan rã trên văn bản, để tái

thiết quan niệm mới: Nhân loại – Tự nhiên.

Những cột văn cuối tác phẩm *Nhắm mắt nhìn trời* của Nguyễn Xuân Thủy cũng lóe lên một tín hiệu mới: “*Xưa người đi vỡ đất. Nay đất làm vỡ mặt người. Xưa đất hoang, nay đất đều có chủ, chỉ có người hoang dại vì không có đất. Nguyễn nhớ khi thế giới đạt ngưỡng bảy tỉ người, người ta đã thi nhau làm phép tính, phép so sánh để xem Trái đất là rộng hay hẹp với từng ấy con người... Nếu con người biết nắm tay nhau, chung sống hòa bình và san sẻ thì thực ra Trái đất vẫn còn rất rộng*” (Nguyễn Xuân Thủy, 2014, tr.304). Tình yêu thương, tương trợ có lẽ là chất men để đẩy nông, nói rộng quỹ diện tích hạn hữu trên trái đất để con người gần gũi hơn với vạn vật. Và Đỗ Phấn qua *Ruồi là ruồi* cũng nhấn gửi thông điệp tương tự: “*Ruồi là con vật chưa từng được hoan nghênh trên bất cứ quốc gia hay vùng lãnh thổ nào. Thậm chí còn bị tàn sát và xua đuổi. Nhưng ngày nay với những nghiên cứu đa dạng sinh học mới nhất, chúng ta buộc phải thay đổi quan niệm về một loài vật nhỏ bé, phiền toái và đáng ghét ấy. Bởi vì chúng là một phần trong cuộc sống trên hành tinh xanh của chúng ta. Những mối nguy hiểm do chúng mang lại không hẳn đã áp đảo ích lợi của chúng, [...] hướng đến một Trái đất cân bằng sinh thái. Mọi cỏ cây và sinh vật sống trên hành tinh này đều phải được tôn trọng*” (Đỗ Phấn, 2014, tr.306). Sự khai mở này của nhà văn đã chứng minh bất kì sinh loài nào đều cùng có những giá trị tự thân và đóng vai trò nhất định trong quá trình tiến hóa, tồn tại và phát triển của sự

vật. Điều này giúp chúng ta có thể khẳng định rằng, nhiều nhà văn đã bắt đầu có những tuyên ngôn và quan niệm rõ ràng về Tự nhiên – Con người trong bối cảnh “tai nạn sinh thái” hiện nay.

Phê bình sinh thái là một phương pháp tiếp cận toàn diện cho văn học nhằm xem xét các mối quan hệ giữa con người và môi trường. Nội hàm của lí thuyết này chính là phủ nhận cách đặt con người và tự nhiên trong tình thế đối lập nhau; thay vào đó là kiểm tra con người như là một phần của hệ sinh thái, chứ không phải là bá chủ cũng như là nô lệ; con người đơn giản chỉ là một bộ phận của một hệ thống phức tạp. Với tinh thần như vậy, phê bình sinh thái trở thành phương pháp đặc biệt phù hợp cho sự phản ứng trước cuộc khủng hoảng môi trường đang diễn ra nghiêm trọng hiện nay. “Chúng ta cần phải có một tư duy kiểu mới, nếu nhân loại muốn tồn tại” (Albert

Einstein). Phê bình sinh thái đưa đến một lối nghiên cứu xóa bỏ quan niệm “nhân loại trung tâm luận” để xác lập một hướng đi mới, lấy “chính thể sinh thái” làm cơ sở tư tưởng và nền tảng lí luận, thực hành.

Trên tinh thần này, tiểu thuyết Việt Nam từ sau Đổi mới đang cố gắng phá bỏ tính điển phạm mang đầy ý thức hệ về quyền lực chính trị trong văn học trước đó, đặt con người trước thách thức của tự nhiên để xác lập lại một quan niệm mới: nhân loại – tự nhiên bình đẳng. Do vậy, thế hệ các nhà văn trẻ như Đỗ Phấn, Nguyễn Ngọc Tư, Nguyễn Xuân Thủy, Đặng Thiều Quang,... không ngần ngại bộc lộ tư tưởng chủ đạo là tôn trọng tự nhiên vốn có, phê phán mặt trái của văn minh, liên đới đến các vấn đề bức thiết của xã hội và môi sinh. Và đây cũng là dấu hiệu cho thấy tiểu thuyết đương đại đã bắt kịp những “đư chấn” của thế giới, của thời đại trong bối cảnh toàn cầu hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bakhtin M. (2003). *Lí luận và thi pháp tiểu thuyết (tái bản) (Phạm Vĩnh Cư dịch)*. Hà Nội: NXB Hội nhà văn.
- Glen A. Love. (1990). *Revaluing Nature: Toward an Ecological Criticism*. University of Oregon. nguồn <http://www.westernlit.org/pastpresadd1989.htm>
- Ma Văn Kháng. (2016). *Chó Bi, đời lưu lạc*. Hà Nội: NXB Kim Đồng.
- Kundera M. (2001). *Nghệ thuật tiểu thuyết (Nguyễn Ngọc dịch)*. Hà Nội: NXB Văn hóa Thông tin.
- Đỗ Phấn. (2014). *Ruồi là ruồi*. TP Hồ Chí Minh: NXB Trẻ.
- Trần Duy Phiên. (1996). *Trăm năm còn lại*. TP Hồ Chí Minh: NXB Trẻ.
- Oppermann S. (1999). *Ecocriticism: Natural World in the Literary viewfinder*. nguồn http://www.asle.org/wp-content/uploads/ASLE_Primer_Oppermann.pdf
- Oppermann S. (2006). “Theorizing Ecocriticism: Toward a Postmodern Ecocritical Practice”. *Isle: Interdisciplinary Studies in Literature and Environment*. Vol 13, Issue 2, 103-128.
- Đặng Thiều Quang. (2013). *Săn cá thằn*. Hà Nội: NXB Thời đại.
- Nguyễn Xuân Thủy. (2014). *Nhắm mắt nhìn trời*. TP Hồ Chí Minh: NXB Trẻ.
- Nguyễn Ngọc Tư. (2012). *Sông*. TP Hồ Chí Minh: NXB Trẻ.